

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày

tháng 04 năm 2022

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng
04 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 04 năm 2022 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 4/2022 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm)

1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 03 tháng đầu năm 2022 đạt 177 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 45,9 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 49,4 triệu tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa đạt 81.4 triệu tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh xếp dỡ đạt 245 nghìn tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 03 tháng đầu năm 2022 là 6 triệu TEUs, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 1,92 triệu TEUs, giảm 2% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 2,1 triệu TEUs, tăng 8% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nội địa đạt 2,03 triệu TEUs, giảm 2% so với cùng kỳ 2021.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 03 tháng đầu năm 2022 tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021. Các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng như: Khu vực Quảng Ninh tăng 11% (từ 29,6 triệu tấn lên 32,9 triệu tấn), khu vực Quảng Nam tăng 19% (từ 589 nghìn tấn lên 702 nghìn tấn), khu vực Đồng Nai tăng 8% (từ 5 triệu tấn lên 5,44 triệu tấn), khu vực Thanh Hóa tăng 6% (từ 9,5 triệu tấn lên 10,1 triệu tấn). Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm mạnh như: Khu vực

Bình Thuận giảm 13% (từ 28,5 triệu tấn xuống 2,48 triệu tấn), khu vực Cần Thơ giảm 12% (từ 3,17 triệu tấn xuống còn 2,8 triệu tấn), khu vực Nghệ An giảm 7% (từ 3,1 triệu tấn xuống còn 2,9 triệu tấn), khu vực Hà Tĩnh giảm 4% (từ 8,39 triệu tấn xuống 8 triệu tấn). ngoài ra ở khu vực cảng biển lớn như Vũng Tàu cũng ghi nhận mức giảm nhẹ là 3% (Từ 28 triệu tấn xuống 27,1 triệu tấn).

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 03 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó lượng hàng nhập khẩu tăng 8% (từ 1,9 triệu teus lên 2,1 triệu teus), lượng hàng xuất khẩu tăng nhẹ 2% từ (1,8 triệu teus lên 1,92 triệu teus), lượng hàng nội địa giảm nhẹ với mức giảm tương ứng là 2% (từ 2,07 triệu teus xuống 2,03 triệu teus) so với cùng kỳ năm 2021.

- Số lượng hành khách thông qua cảng biển 03 tháng đầu năm 2022 đạt 1,29 triệu lượt, có xu hướng tăng trở lại so với những tháng trước nhưng vẫn chỉ đạt 89% so với cùng kỳ năm 2021 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng).

2. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 4 năm 2022 là 59 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Hàng xuất khẩu ước đạt 15,3 triệu tấn tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 16,4 triệu tấn giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa ước đạt 27,1 triệu tấn tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ ước đạt 82 nghìn tấn.

Trong đó, hàng container thông qua cảng biển trong tháng 4 năm 2022 ước đạt 2 triệu TEUs tăng 2% so với cùng kỳ.

- Hàng xuất khẩu ước đạt 641 nghìn TEUs tăng 2% so với cùng kỳ.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 706 nghìn TEUs tăng 8% so với cùng kỳ.
- Hàng nội địa ước đạt 677 nghìn TEUs giảm 2% so với cùng kỳ.

II. Lượt tàu thông qua cảng biển (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 03 tháng đầu năm 2022 cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 4.229 lượt, giảm 23% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 5.091 lượt, giảm 13% so với cùng kỳ 2021.

Trong đó:

- +Tàu Xuất nhập cảnh đạt 322 lượt, giảm 50% so với cùng kỳ năm 2021.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 3.866 lượt, giảm 25% so với cùng kỳ 2021.

2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 03 tháng đầu năm 2022 cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 30.382 nghìn lượt, giảm 7 % so với cùng kỳ năm 2021

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 4.058 lượt, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 03 tháng đầu năm 2022 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 44.8 triệu tấn, tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ năm 2021.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 20 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 7,2 triệu tấn, tăng 33% so với cùng kỳ năm 2021.

III. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VMIC) quản lý trong 03 tháng đầu năm 2022 (Phụ lục II) cụ thể như sau:

Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do VMIC quản lý đạt 17,1 triệu tấn, giảm 11% với cùng kỳ năm 2021 (do không thống kê sản lượng của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh từ năm 2022), chiếm 9,6% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 5,58 triệu tấn chiếm 28% tổng khối lượng hàng hóa do VMIC quản lý, đứng thứ 2 là Cảng Sài Gòn đạt 2,73 triệu tấn, đứng thứ 3 là cảng bến SSIT đạt 2,47 triệu tấn.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

Phụ lục I
THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 04/2022

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725.367	177.034	59.011	236.045	230.121	103%	33%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		45.996	15.332	61.328	58.881	104%	
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		49.395	16.465	65.860	71.557	92%	
	Hàng nội địa	1000 tấn		81.398	27.133	108.531	98.983	110%	
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		245	82	327	700	47%	
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252.253</u>	<u>58.047</u>	<u>19.349</u>	<u>77.396</u>	<u>80.293</u>	<u>96%</u>	
		<u>1000 Teus</u>	<u>24.884</u>	<u>6.071</u>	<u>2.024</u>	<u>8.095</u>	<u>7.903</u>	<u>102%</u>	<u>33%</u>
	Xuất khẩu	1000 Tấn		20.054	6.685	26.739	24.972	107%	
		1000 Teus		1.923	641	2.564	2.517	102%	
	Nhập khẩu	1000 Tấn		20.224	6.741	26.965	28.035	96%	
		1000 Teus		2.118	706	2.824	2.624	108%	
	Nội địa	1000 Tấn		17.769	5.923	23.692	27.287	87%	
		1000 Teus		2.030	677	2.707	2.761	98%	
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81.927</u>	<u>19.147</u>	<u>6.382</u>	<u>25.529</u>	<u>25.313</u>	<u>101%</u>	<u>31%</u>
	Xuất khẩu	1000 tấn		964	321	1.285	1.393		
	Nhập khẩu	1000 tấn		6.499	2.166	8.665	7.855		
	Nội địa	1000 tấn		11.684	3.895	15.579	16.065		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391.187</u>	<u>99.595</u>	<u>33.198</u>	<u>132.793</u>	<u>123.815</u>	<u>107%</u>	<u>34%</u>
	Xuất khẩu	1000 tấn		24.978	8.326	33.304	32.516		
	Nhập khẩu	1000 tấn		22.672	7.557	30.229	35.668		
	Nội địa	1000 tấn		51.945	17.315	69.260	55.631		
4	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79.435</u>	<u>19.155</u>	<u>6.385</u>	<u>25.540</u>	<u>23.897</u>	<u>107%</u>	<u>32%</u>

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 3 NĂM 2022

Chỉ tiêu		Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1		2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng								
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua								
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển		lượt	9.320	11.292	83%	25.663	28.746	89%
1.1.1.1. Tàu ngoại		lượt	4.229	5.458	77%	12.221	13.941	88%
1.1.1.2. Tàu nội		lượt	5.091	5.834	87%	13.442	14.805	91%
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	322	649	50%	1.829	1.445	127%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	3.866	5.185	75%	11.613	13.360	87%
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng		tấn	64.931.171	63.378.113	102%	177.038.103	172.447.387	103%
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	17.254.694	17.532.520	98%	45.997.484	44.161.105	104%
	+ Nhập khẩu	tấn	17.325.384	19.495.893	89%	49.396.711	53.668.534	92%
	+ Nội địa	tấn	30.217.626	26.262.517	115%	81.398.815	74.236.945	110%

	+ Quá cảnh xếp dỡ	tấn	133.467	87.183	153%	245.093	380.803	64%
	+ container	tấn	21.303.874	22.036.647	97%	58.048.261	60.220.272	96%
	+ container	teus	2.248.132	2.207.295	102%	6.072.712	5.926.977	102%
	+ Hàng lỏng	tấn	6.889.065	6.384.010	108%	19.148.228	18.985.337	101%
	+ Hàng kho	tấn	36.604.765	34.929.965	105%	99.596.521	92.860.975	107%
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua								
1.2.1. Tổng số PTTND	Lượt		30.382	32.632	93%	80.946	80.908	100%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB	Lượt		4.058	3.701	110%	9.794	8.724	112%
1.2.2. Tổng số tấn PTTND	tấn		20.086.976	19.774.812	102%	55.722.489	52.740.145	106%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển	tấn		7.237.478	5.430.099	133%	17.126.057	13.170.461	130%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển								
Tổng hàng hóa thông qua cảng	tấn		64.931.171	63.378.113	102%	177.038.103	172.447.387	103%
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	44.844.195	43.603.301	103%	121.315.614	119.707.242	101%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	20.086.976	19.774.812	102%	55.722.489	52.740.145	106%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý								
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh	Triệu tấn		0,275	0,37	74%	0,717	1,026	70%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn		1,925	2,195	88%	5,586	5,896	95%

Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0,012	0,025	48%	0,035	0,097	36%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0,47	0,47	100%	1,05	1,13	93%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0,04	0,04	100%	0,08	0,10	80%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0,809	0,850	95%	2,079	2,078	100%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0,159	0,299	53%	0,39	0,64	61%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	1,03	1,15	90%	2,73	3,08	89%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0,82	0,65	126%	2,20	2,50	88%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0,63	0,70	90%	1,62	1,71	95%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0,75	1,14	66%	2,47	3,11	79%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0,08	0,12	68%	0,21	0,28	74%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0,09	0,06	137%	0,20	0,17	120%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0,06	0,07	89%	0,15	0,23	63%
III. Hàng hóa quá cảnh và Hành khách thông qua							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	7.129.361	5.098.201	140%	19.155.541	17.926.932	107%
Lượt hành khách thông qua	Lượt khách	432.904	431.697	100%	1.295.629	1.450.785	89%